TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 02/6/2023
V/v tranh chấp *"Xin ly hôn và nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Kiều Oanh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Hiền;
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo;

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang: Ông Nguyễn Văn Quí – kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp *"Xin ly hôn, nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa 40/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Đỗ Thị Hồng N, sinh năm 1996 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã Y, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Trần Thái V, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Đỗ Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị Hồng N trình bày:***

Vào năm 2012, chị và anh V tự nguyện quen biết do bạn bè giới thiệu, đến ngày 12/7/2018 đã tổ chức lễ cưới và sống chung, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, sau khi kết hôn chị và anh V về chung sống bên gia đình chị tại ấp B, xã Y, huyện Y, tỉnh Tiền Giang, thời gian đầu chung sống rất hạnh phúc, chị thì đi làm công nhân ở Long An, đi bằng xe đưa rước, sáng đi chiều về nhà chị, còn anh V thì làm phụ hồ ở thành phố Hồ Chí Minh, cuối tuần về một lần ở nhà chị, trong quá trình chung sống đến đầu khoảng tháng 10/2018 (tức là 03 tháng sau) thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do chị của anh V và mẹ anh V nhắn tin chửi chị N về tiền bạc, chị của anh V và mẹ anh V cấm chị không cho chị về bên nhà anh V, chị có đưa tiền cho anh V 6.000.000 đồng để trả nợ cho chị của anh V, từ khi đưa tiền (khoảng tháng

10/2018) thì anh V đi luôn không thấy liên lạc với chị, lúc này chị có bầu khoảng 3,5 tháng đến khi đẻ xong, con chị được 01 tháng thì anh V có chở mẹ anh V tới thăm con 01 lần, nhưng chỉ có mẹ anh V vô thăm con, còn anh V thì không có vô gặp con, rồi cho tới nay thì anh V hoàn toàn không liên lạc gì với chị cũng không thăm con một lần, tới nay anh V còn không biết mặt con, giữa chị và anh V ly thân tính đến nay là khoảng 5 năm, nhận thấy cuộc hôn nhân này không đạt được mục đích và không thể kéo dài thêm được nữa, nay chị xin ly hôn với anh V.

Quá trình chung sống chị và anh V có 01 con chung tên Đỗ Quỳnh H, sinh ngày 10/4/2019, đang do chị trực tiếp nuôi dưỡng nên chị yêu cầu được quyền nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng.

Về tài sản chung: chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chị và anh V không có nợ chung.

Ngoài ra, chị không có trình bày thêm ý kiến gì khác.

**** Bị đơn anh Trần Thái V*** đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công bố, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng N.

**** Ý kiến của Viện kiểm sát:***

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, thông báo các văn bản tố tụng, cũng như tại phiên tòa Hội đồng xét xử những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị Đỗ Thị Hồng N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"* cần được xem xét, giải quyết theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về tố tụng: Chị Đỗ Thị Hồng N có đơn xin vắng mặt, anh Trần Thái V được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để dự phiên tòa, nhưng anh Trần Thái V vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[3] Xét về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh V tự nguyện cưới nhau, đăng ký kết hôn vào ngày 12 tháng 7 năm 2018, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, hôn nhân của anh V và chị N là hôn nhân hợp pháp. Theo đơn ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh chị đã ly thân từ tháng 10/2018 cho đến nay. Thấy rằng khoảng thời gian ly thân của anh chị kéo dài đến nay đã nhiều năm nhưng anh chị không thể tự hàn gắn được, quá trình chị N nộp đơn xin ly hôn

với anh V tại Tòa án, Tòa án triệu tập anh V nhiều lần, anh V cũng không đến Tòa án để cùng chị N giải quyết mâu thuẫn, hòa giải, hàn gắn lại quan hệ hôn nhân của anh V và chị N. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân giữa chị N và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[4] Về con chung: Có một con chung tên Đỗ Quỳnh H, sinh ngày 10/4/2019. Thấy rằng, cháu H đang do chị N trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi nhằm ổn định môi trường sống của cháu H.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Chị N yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Xét ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đỗ Thị Hồng N.

1. Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Hồng N được ly hôn với anh Trần Thái V.

2. Về con chung: Chị Đỗ Thị Hồng N được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đỗ Quỳnh H, sinh ngày 10/4/2019.

Anh Đỗ Quỳnh H, sinh ngày 10/4/2019 được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Chị N cùng các thành viên trong gia đình không được ngăn cản anh V thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0026707 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị N đã nộp xong án phí.

Anh V không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị N, anh V được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
-VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu án văn, hồ sơ.

Phan Thị Kiều Oanh